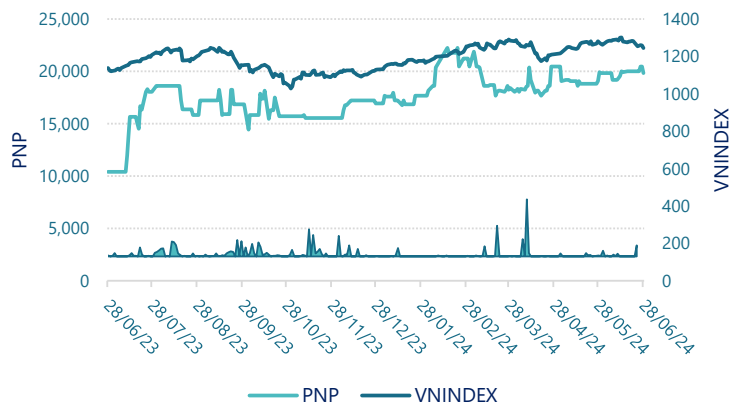


CTCP Tân Cảng - Phú Hữu (UPCOM: PNP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	21,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,245
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,404
SL cổ phiếu LH	16,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	365
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	343
P/E	8.0
EPS	2,674

DT thuần

Q2/24

86.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.30 | -5.8%

YoY: ▲2.50 | 3.0%

LN sau thuế

Q2/24

10.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00 | -8.7%

YoY: ▼0.60 | -5.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

17.4%

+/- YoY: ▼2.1%

DT thuần

6T 2024

178

tỷ VNĐ

YoY: ▲19.0 | 12.0%

LN sau thuế

6T 2024

22.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲3.30 | 17.2%

ROE

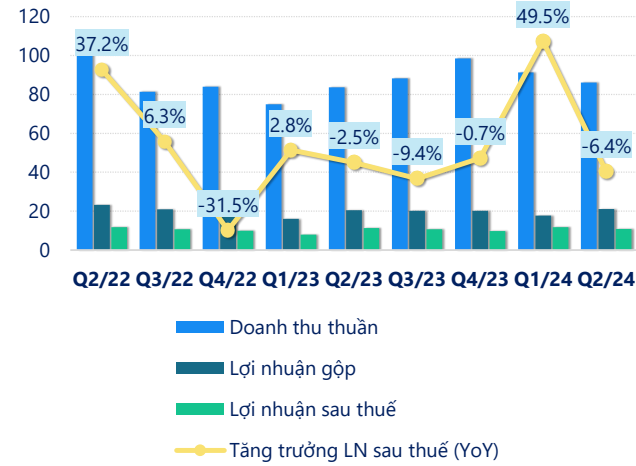
Q2/24

20.3%

+/- YoY: ▲0.9%

tỷ VNĐ

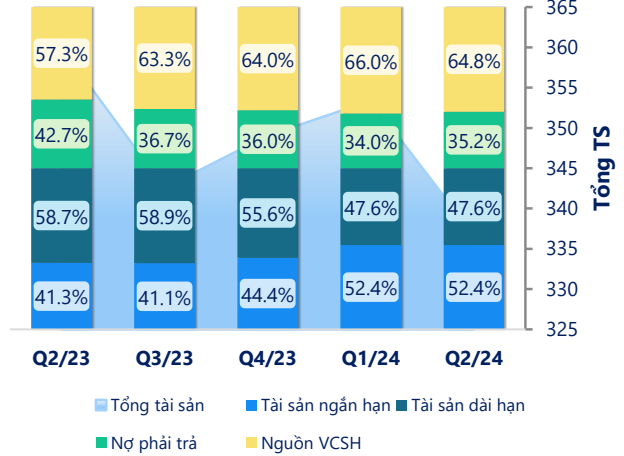
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

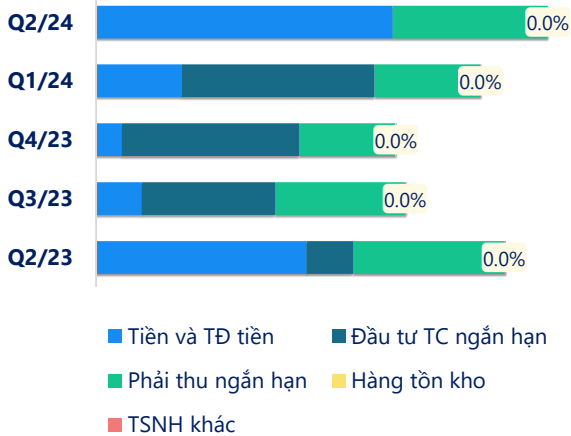
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



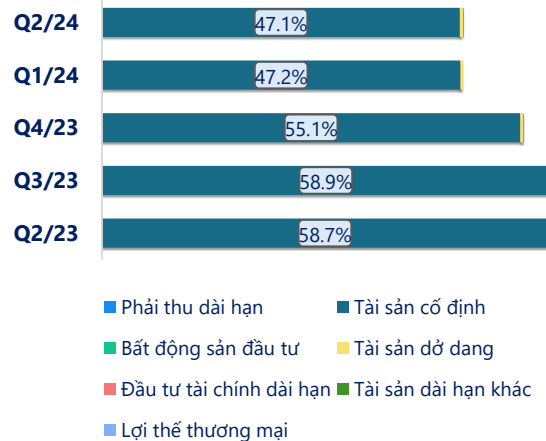
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

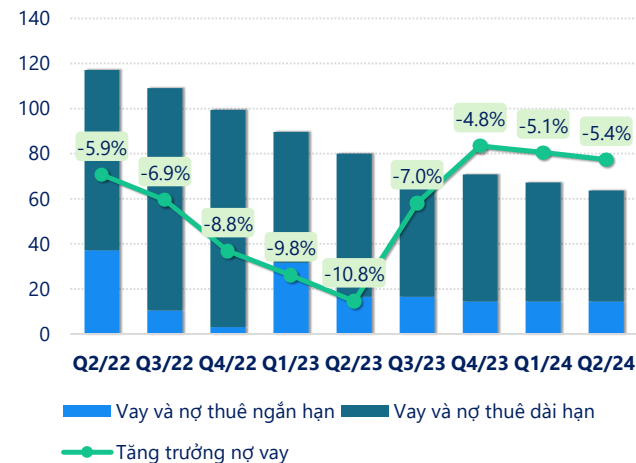
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

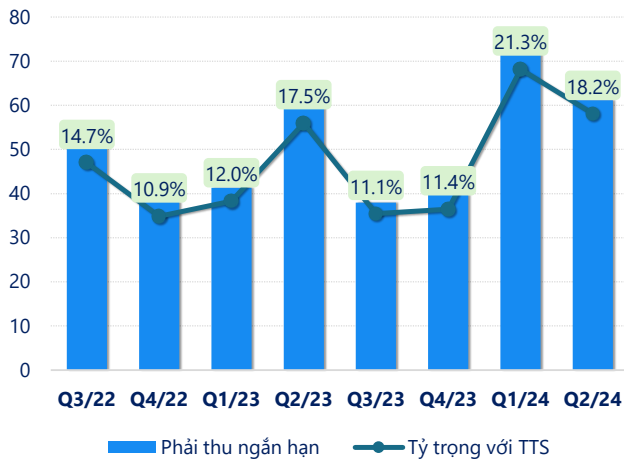
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



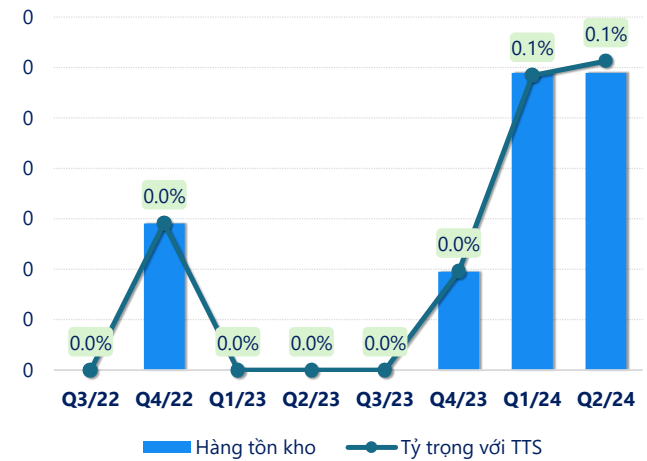
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


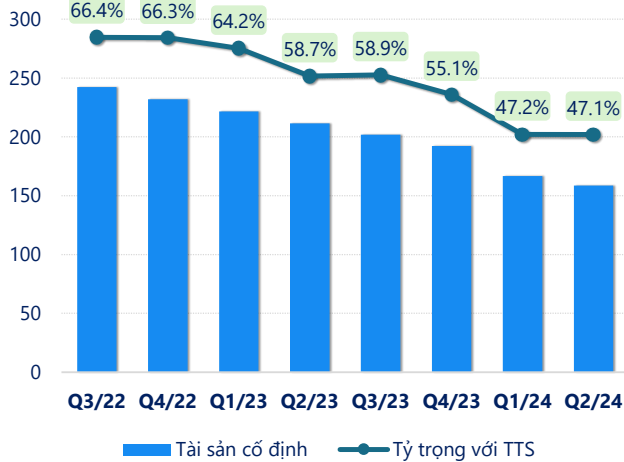
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


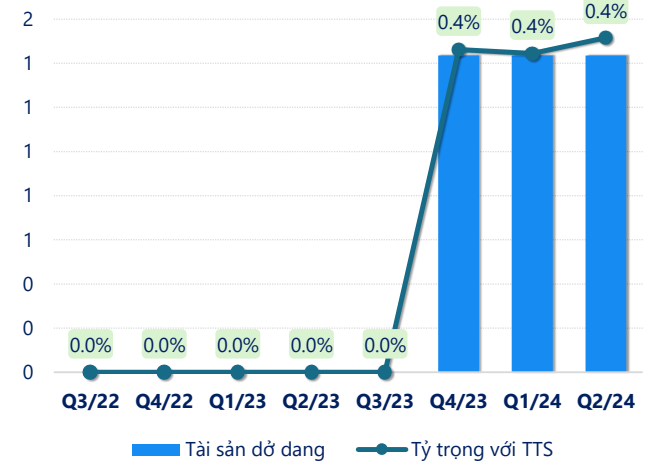
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

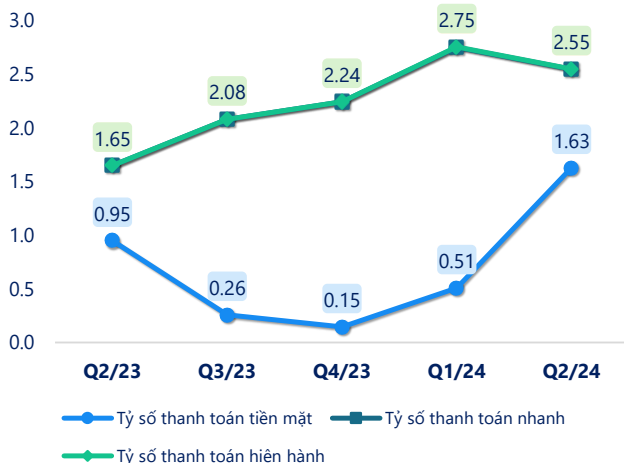
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	360	343	349	353	337
Tài sản ngắn hạn	149	141	155	185	176
Tiền và tương đương tiền	85.6	17.5	10.0	34.2	113
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	85.0	105	75.0	0
Phải thu ngắn hạn	63.0	37.9	39.8	75.3	61.1
Hàng tồn kho	0	0	0.10	0.29	0.29
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0.19	0.21	0.50	2.26
Tài sản dài hạn	211	202	194	168	160
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	211	202	192	167	159
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	1.44	1.44	1.44
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0.30	0	0.20
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	154	126	126	120	118
Nợ ngắn hạn	90.1	67.7	69.1	67.3	69.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.5	16.5	14.4	14.4	14.4
Phải trả người bán ngắn hạn	21.6	20.1	36.6	24.4	12.2
Nợ dài hạn	63.6	58.0	56.4	52.8	49.2
Vay và nợ thuê dài hạn	63.6	58.0	56.4	52.8	49.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	206	217	224	233	218
Vốn chủ sở hữu	206	217	224	233	218
Vốn điều lệ	161	161	161	161	161
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)